

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: NHÂN HỌC ; Chuyên ngành:

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÂM MINH CHÂU

2. Ngày tháng năm sinh: 09/11/1986.; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Hải An, Tỉnh Gia, Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8, ngách 71/11B, Nguyễn Quý Đức, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Số 8, ngách 71/11B, Nguyễn Quý Đức, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 0243 8542 823; Điện thoại di động: 0915 341 294;

E-mail: lamminhchau86@gmail.com

7. Quá trình công tác:

Từ năm 2009 đến nay: Giảng viên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ năm 2016 đến nay: Phó Trưởng khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng khoa Nhân học

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa Nhân học

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan 0243 8585 246

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Đại học Uppsala, Thụy Điển, tháng 11-12/2019.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 2008, ngành: Lịch sử, chuyên ngành: Dân tộc học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 11 năm 2010, ngành: Nhân học Xã hội.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Cambridge, Anh.

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 11 năm 2015, ngành: Nhân học Xã hội.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Cambridge, Anh.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sử học - Khảo cổ học – Dân tộc học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Biến đổi sinh kế nông thôn trong thời kỳ Đổi mới kinh tế ở Việt Nam trong tương quan so sánh với quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường ở Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Âu thời hậu Xã hội chủ nghĩa.

- Tính tộc người và chủ nghĩa dân tộc; vấn đề dân tộc, quan hệ tộc người và chính sách dân tộc ở Việt Nam trong tương quan so sánh với Trung Quốc và Đông Nam Á.

- Mối quan hệ giữa tôn giáo và thị trường, tôn giáo và tính hiện đại trong thời kỳ Đổi mới ở Việt Nam trong tương quan so sánh với các nước châu Á.

- Nhân học kinh tế, kinh tế nông dân, biến đổi sinh kế nông thôn, toàn cầu

hóa.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp Bộ và tương đương (đề tài nhánh thuộc đề tài khoa học cấp nhà nước);
- Đã công bố 24 bài báo KH, trong đó 05 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (thuộc đồng thời cả hai danh mục ISI và Scopus, gồm 04 bài viết đã xuất bản và 01 bài viết đã có xác nhận đăng bài);
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình công tác với cương vị giảng viên tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và giảng viên thỉnh giảng tại một số cơ sở giáo dục đào tạo đại học trong và ngoài nước (Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Kyoto, Nhật Bản, Đại học Uppsala, Thụy Điển), tôi luôn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, chế độ làm việc của giảng viên, và các yêu cầu của các cơ sở đào tạo đối với giảng viên về giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tôi luôn đảm bảo đầy đủ định mức giờ chuẩn quy đổi và định mức giảng dạy trực tiếp trên lớp, hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành, được sinh viên đánh giá cao; tham gia biên soạn chương trình và sách phục vụ đào tạo, hướng dẫn 06 khóa luận tốt nghiệp và 02 luận văn thạc sĩ bảo vệ thành công.

Tôi luôn giữ vững đạo đức, tác phong khoa học, hợp tác với đồng nghiệp về chuyên môn, tích cực tham gia các hoạt động tư vấn khoa học công nghệ, chuyên giao công nghệ phục vụ kinh tế, xã hội và các công tác khác.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 07 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010-2011				01	162		162/254/238
2	2015-2016				01	105	22.5	127/245/229
3	2016-2017				01	177.3	22.5	199/274/216
3 năm học cuối								
4	2017-2018				01	127.5	22.5	150/222/216
5	2018-2019			01	01	127.8	90	217/357/216
6	2019-2020			01	01	109.5		109/221/162

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Bảo vệ luận văn ThS và luận án TS , Tại nước: Anh, năm 2009-2010 (Thạc sĩ) và 2011-2015 (Tiến sĩ).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài .

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy:

Đại học Cambridge, Anh (trợ giảng 2014-2015),

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (cho sinh viên trao đổi thuộc Đại học Kyoto, Nhật Bản 2016, và sinh viên quốc tế thuộc chương trình đào tạo NOHA về Hoạt động Nhân đạo, 2018),

Đại học Uppsala, Thụy Điển, cho học viên cao học thuộc Khoa Nhân học văn hóa và Dân tộc học, 2019.

d) Đối tượng khác □ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 8.0

4. Hướng dẫn NCS/HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV CH	Chính	Phụ			
1	Phùng Thị Chinh		x	x		2017-2019	Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN	2019
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		x	x		2019-2020	Đại học Văn hóa Hà Nội	2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

Sách biên soạn sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	<i>Đổi mới, Kinh tế thị trường và Hiện đại hóa: Trải nghiệm ở một làng nông thôn Bắc Bộ Việt Nam</i>	CK	Nxb Hà Nội, 2017 ISBN 078-604-55-2241-7	01	MM	2159/XHNV-ĐT ngày 31/05/2019

2	<i>Nhân học – Khoa học về sự khác biệt văn hóa</i>	TK	Nxb Thế giới, 2017 ISBN 978-604-77-3689-8	01	MM	2159/XHNV-ĐT ngày 31/05/2019
---	--	----	--	----	----	---------------------------------

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

Đề tài thực hiện sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/xếp loại
1	ĐT: <i>Nghiên cứu tài liệu hướng dẫn quản lý các mối quan hệ tộc người xuyên biên giới dành cho cán bộ ở vùng biên giới Việt – Trung</i>	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài khoa học và phát triển công nghệ cấp nhà nước, mã số KHCN-TB.11X/13-18, “ <i>Nghiên cứu mối quan hệ tộc người ở vùng biên giới với Trung Quốc góp phần ổn định xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Bắc,</i> ” thuộc Chương trình Tây Bắc do Học viện Chính trị khu vực I chủ trì.	2015-2016	21/03/2016 Đạt yêu cầu
2	ĐT: <i>Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc Thái trong phát triển bền vững vùng Tây Bắc về văn hóa</i>	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài khoa học và phát triển công nghệ cấp nhà nước, mã số KHCN-TB.19X/13-18, “ <i>Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc Thái trong phát triển bền vững vùng Tây Bắc,</i> ” thuộc Chương trình Tây Bắc do Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì.	2016-2017	30/06/2017 Đạt yêu cầu

3	ĐT: <i>Một số vấn đề cơ bản, cấp bách về dân tộc thiểu số ở Đông Á và những tác động đến Việt Nam</i>	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài khoa học và phát triển công nghệ cấp nhà nước, mã số CTDĐT.03.16/16-20, " <i>Một số vấn đề cơ bản, cấp bách về dân tộc thiểu số ở khu vực Đông Á, Đông Nam Á và những tác động đến Việt Nam</i> ", thuộc Chương trình Dân tộc, do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì	2018	05/11/ 2018 Đạt yêu cầu
---	---	----	---	------	-------------------------------

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

Trước khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số lần trích dẫn	Tập/số	Trang	Năm công bố
1	Truyền thống văn hóa Nhật Bản với cải cách Minh Trị nửa sau thế kỷ 19	01	x	<i>Thông báo Dân tộc học, 2006</i>				368-380	2006
2	Làng thủ công cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ	02		<i>Thông báo Dân tộc học, 2006</i>				233-241	2006
3	Quan hệ kinh tế của triều Nguyễn với Chân Lạp hồi nửa đầu thế kỷ XIX	01	x	<i>Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử</i>			8 (276) 2007	63-71	2007
4	Tri thức địa phương của người Thái về sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên (Nghiên cứu trường hợp ở xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La)	01	x	<i>Tạp chí Dân tộc học</i>		02	5 (149) 2007	65-73	2007

5	Tái định cư và biến đổi kinh tế trong đời sống người Thái (nghiên cứu trường hợp bản Nậm Rên, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La)	01	x	<i>Tạp chí Dân tộc học</i>		01	2 (164) 2010	43-51	2010
6	Local Knowledge of Tai People in Natural Resource Management and Use	01	x	<i>Cultural Identity and Development: Selected Works of the Third Forum on Ethnic Groups in China & Southeast Asia</i>			ISBN 978- 7- 105- 1196 2-2	305- 318	2011
7	Giao dịch với thần thánh: Một nghiên cứu về cái tôi và niềm tin qua hiện tượng Bà Chúa Kho ở Bắc Việt Nam	01	x	<i>Tạp chí Dân tộc học</i>			2 (170) 2011	36-48	2011
8	Góp phần tìm hiểu cái cách tiền tệ của Hồ Quý Ly từ góc nhìn nhân học kinh tế	01	x	<i>Tạp chí Dân tộc học</i>			6 (201 3)	54-61	2013
9	Dân tộc và vấn đề dân tộc ở Việt Nam – Nhận thức và vấn đề	02		<i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Việt Nam học lần thứ IV</i>			Tập III	652- 668	2013
10	Tự do tôn giáo và nhà nước pháp quyền: Đối thoại Việt Nam – Hoa Kỳ tại Washington D.C. 2013	01	x	<i>Tạp chí công tác tôn giáo</i>			9(85) 2013	3-8	2013
11	Xây dựng đội ngũ cán bộ vùng dân tộc thiểu số	02		<i>Tạp chí Cộng sản – Chuyên đề cơ sở</i>			85(2 014)	21-25	2014

Sau khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên bài báo	Số tác giả		Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
12	Nhân học và vai trò của nhà nhân học	02		<i>Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam</i>			2 (99), 2016	86-92	2016
13	Đừng chỉ lo cho thế hệ tương lai – Tiếp cận nhân học về phát triển bền vững	01	x	<i>Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn</i>			2(3), 2016	320-329	2016
14	Một số vấn đề về quan hệ tộc người liên biên giới ở vùng Tây Bắc Việt Nam hiện nay'	02		<i>Tạp chí Dân tộc học</i>			3 (195) 2016	32-40	2016
15	Tiến hóa luận, tương đối luận và phát triển bền vững (Trường hợp kinh tế nông nghiệp của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam)	01	x	<i>Tạp chí Văn hóa Dân gian</i>			1 (169) 2017	56-63	2017
16	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc thiểu số ở Trung Quốc và Đông Nam Á	01	x	<i>Tạp chí Dân tộc học</i>			2 (200) 2017	47-57	2017
17	Từ cơ bản trở thành cấp bách và từ cấp bách trở thành cơ bản: Tái nhìn nhận mối quan hệ giữa vấn đề “cơ bản” và “cấp bách” về dân tộc, tộc người của một số nước trên thế giới	01	x	<i>Tạp chí Dân tộc học</i>			1 (205) 2018	21-31	2018
18	Tạm thời hay bền vững: sinh kế nông thôn trong bối cảnh công nghiệp hóa ở một xã đồng bằng Bắc bộ Việt Nam	01	x	<i>Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn</i>			4(3), 2018	385-396	2018

19	Actively Cautious: Industrialization and Rural Livelihood Choices in Contemporary Northern Vietnam	01	x	<i>South East Asia Research</i>	Tạp chí thuộc danh mục ISI-AHCI và Scopus Q2	02	26 (1)	21-37	2018
20	“Extremely Rightful” Resistance: Land Appropriation and Rural Agitation in Contemporary Vietnam’	01	x	<i>Journal of Contemporary Asia</i>	Tạp chí thuộc danh mục ISI-SSCI và Scopus Q1. Tạp chí thuộc nhóm có chỉ số Impact Factor cao (2.030)	02	49 (3)	343-364	2019
21	Transactions with God: Market, Moralities and Agency in the Worship of the Goddess of the Treasury in Northern Vietnam	01	x	<i>Asia-Pacific Journal of Anthropology</i>	Tạp chí thuộc danh mục ISI-SSCI và Scopus Q1 (Impact factor = 0.432)		20 (2)	111-128	2019
22	Negotiating Uncertainty in Late-socialist Vietnam: Households and Livelihood Options in the Marketizing Countryside	01	x	<i>Modern Asian Studies</i>	Tạp chí thuộc danh mục ISI-SSCI và Scopus Q1 (Impact factor = 0.539)		53 (6)	1701-1735	2019
23	Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số ở Trung Quốc	01	x	In trong sách Lâm Bá Nam (Chủ biên), <i>Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số ở Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á</i> , Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội				13-40	2019

24	Neither survival nor accumulation: Marketisation and rural livelihood diversification in contemporary northern Vietnam	01	x	<i>Journal of Southeast Asian Studies</i>	Tạp chí thuộc danh mục ISI-SSCI và Scopus Q1 (Impact factor = 0.463)			Bài viết được nhận đăng tháng 5/2020
----	--	----	---	---	--	--	--	--------------------------------------

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04 bài viết đã công bố và 01 bài viết đã có xác nhận đăng bài.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Tổ phó Tổ thư ký đề án phát triển học phần trong đào tạo đại học theo định hướng quốc tế hóa hoạt động đào tạo của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2015-2017.

- Tổ phó Tổ chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ chuẩn ngành Việt Nam học bằng tiếng Anh của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
.....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
.....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:
.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....
+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....
(* *Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*)

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lâm Minh Châu